

## GIỚI THIỆU MÔ HÌNH HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Huỳnh Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thắng

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

**Tóm tắt:** Đảm bảo chất lượng giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng. Một trong những yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục là đổi mới phương pháp giảng dạy, tìm kiếm và áp dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy hướng đến việc vận dụng những kiến thức lý luận trong quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn, khuyến khích khả năng học tập chủ động của sinh viên (SV) và học tập qua quá trình trải nghiệm thực tế, gắn kết với lợi ích cộng đồng của SV.

**Từ khóa:** chất lượng giáo dục; đổi mới phương pháp giảng dạy; học tập phục vụ cộng đồng.

**Abstract:** Ensuring the quality of education has an important meaning in the development of education in general and higher education in particular. One of the requirements to improve the quality of education is to innovate teaching methods, search for and apply modern and active teaching methods. In addition, teaching methods aim to apply theoretical knowledge in the process of solving practical problems, encouraging students' active learning and learning through actual experience, associated with the community interests of students

**Keywords:** quality of education; innovation of teaching methods; service learning.

### 1. Đặt vấn đề

Trong nhiều nghiên cứu trên thế giới, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (HTPVCD) là một phương pháp giảng dạy và



học tập hiệu quả đã được nghiên cứu và áp dụng từ rất lâu trong hệ thống giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Úc, Hà Lan, Canada... Ở Việt Nam hiện nay, một số trường đại học cũng đang tiến hành áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập này một cách hiệu quả và đạt chất lượng nhất định như trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh, trường Đại học Hoa Sen và bước đầu thử

thử nghiệm áp dụng tại khoa Xã hội học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh,...

### 2. Nội dung

#### 2.1. Khái niệm “học tập phục vụ cộng đồng”

Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về phương pháp HTPVCD. HTPVCD được biết đến với tên tiếng Anh là Service Learning hay Community - based learning. Khái niệm này xuất hiện từ những năm 1960 tại Mỹ và đã phát triển mạnh mẽ trong nền giáo dục đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Jacoby chỉ ra rằng, HTPVCD là hình thức giáo dục kinh nghiệm mà SV tiến hành các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và cộng đồng, kết hợp với mục tiêu nâng cao khả năng học tập và phát triển của SV. Một định nghĩa chi tiết hơn về HTPVCD là phương pháp giảng dạy kết hợp phục vụ cộng đồng với sự hướng dẫn về mặt học thuật, tập trung vào suy

ngiht biểu hiện, phê phán và trách nhiệm công dân. Hay Campus Compact National Center cho rằng chương trình HTPVCD hướng SV trong phục vụ cộng đồng có tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu địa phương, trong quá trình đó, phát triển kỹ năng học thuật của người học, nhận thức về trách nhiệm công dân và cam kết với cộng đồng.

HTPVCD khuyến khích áp dụng kiến thức vào vấn đề thực tiễn và khuyến khích các trường đại học trở thành cộng sự chủ động trong quá trình tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề xã hội, công dân, kinh tế và đạo đức [4]. Hay ở góc độ sư phạm, Eyller, Giles và Schmiede cho rằng, HTPVCD là một phương pháp sư phạm, thu hút người học vào các hoạt động phục vụ gắn kết với học tập để đảm bảo được hai mục tiêu là (a) kết quả học tập đạt được như mong đợi, (b) lợi ích đem lại cho cộng đồng qua trải nghiệm học tập và phục vụ. Quá trình HTPVCD được phản ánh thông qua các hoạt động khác nhau của người học gắn kết với cộng đồng làm việc (ví dụ: viết bài cho tạp chí, thảo luận nhóm nhỏ, hướng dẫn bằng văn bản...).

Với nhiều cách tiếp cận khác nhau, suy cho cùng, HTPVCD được định nghĩa với ba đặc điểm chính bao gồm (a) Phục vụ: HTPVCD nhằm đáp ứng nhu cầu con người trong một cộng đồng mà liên quan đến tình trạng của cá nhân và/ hoặc tình trạng môi trường mà họ sinh sống; (b) Mục tiêu học tập: Mục tiêu học thuật và/ hoặc mục tiêu công dân đạt được thông qua quá trình phục vụ kết hợp học tập; (c) Thể hiện: Cơ hội cho SV thể hiện kinh nghiệm và kết nối với các mục tiêu học thuật/mục tiêu công dân được lồng ghép trong hoạt động.

Trong môi trường giáo dục đại học, phương pháp HTPVCD đòi hỏi sự phối hợp của bốn thành phần tham gia gồm nhà quản lý trường học như ban lãnh đạo nhà trường; GV, người trực tiếp hướng dẫn và đánh giá SV; cộng đồng là đối tượng thụ hưởng và tương tác với SV, GV trong HTPVCD; và sinh viên là đối tượng chính của phương pháp học tập này.

## **2.2. Lợi ích áp dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng trong giảng dạy đại học**

Áp dụng phương pháp HTPVCD hiệu quả và chất lượng sẽ mang đến những lợi ích đối với thanh niên, tổ chức quản lý, cộng đồng thụ hưởng và xã hội. National Service-Learning Clearinghouse đã nêu rõ những lợi ích nhất định.

### **- Đối với sinh viên**

*Một là*, giúp SV có thể mở rộng việc học tập ra ngoài phạm vi lớp học. Quá trình HTPVCD không chỉ diễn ra trong môi trường lớp học thông thường, mà SV được yêu cầu tiếp cận với cộng đồng và các hoàn cảnh thực tế để giải quyết tình huống, vấn đề hoặc nhiệm vụ mà GV yêu cầu. Đặc biệt, thông qua HTPVCD, SV có cơ hội nâng cao chất lượng học tập của mình, tạo động lực học tập tốt trong quá trình diễn ra môn học.

*Hai là*, nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm và khả năng lập kế hoạch. Quá trình phát hiện, xử lý, tìm kiếm giải pháp cho vấn đề và khả năng phối hợp làm việc trong nhiều nhóm khác nhau giúp SV có thêm kỹ năng học tập hiệu quả. Mặt khác, sau khi ra trường, đây sẽ là những kỹ năng quan trọng giúp SV có thể thành công hơn trong công việc. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu chứng minh rằng HTPVCD còn giúp người học phát triển kiến thức xã hội thích ứng, cũng như tạo điều kiện để người học phát triển tư duy bậc cao và các kỹ năng cần thiết, chẳng hạn như khả năng xem xét, đánh giá hiện tượng từ nhiều khía cạnh và áp dụng kiến thức đã học phát triển và thiết lập kiến thức mới.

*Ba là*, nâng cao khả năng giải quyết những thách thức, tình huống thực tế trong cuộc sống. SV có thể nhận thức tốt hơn về thực tiễn nghề nghiệp của mình thông qua quá trình va chạm hoặc đối mặt với những khó khăn trong thực tế. Điều này sẽ phần nào trở thành kinh nghiệm thực tế giúp SV có thể hình dung ra công việc, trách nhiệm sau khi ra trường. Ví dụ, quá trình SV giao tiếp, hỗ trợ người dùng tin trong thư viện, trung tâm thông tin sẽ giúp SV tìm ra

những cách thức thoả mãn tối ưu nhất nhu cầu của họ.

*Bốn là*, nâng cao thái độ, kỹ năng, hành vi và trách nhiệm của công dân đối với xã hội và cộng đồng. Sự phát triển hoàn thiện của mỗi SV trên cơ sở gắn kết với nhà trường, gia đình và cộng đồng. HTPVCD giúp SV xây dựng được các mối quan hệ mới với cộng đồng mà SV phục vụ và học tập. Đây được xem là một trong những lợi ích quan trọng của phương pháp HTPVCD.

#### **- Đối với cơ sở đào tạo**

Một trong những lợi ích dễ thấy nhất trong việc áp dụng phương pháp HTPVCD chính là việc đảm bảo mục tiêu phát triển kỹ năng và hội nhập cộng đồng cho SV, khuyến khích GV và SV vận dụng hiệu quả phương pháp dạy học tương tác. Thực tế cho thấy, đổi mới phương pháp giảng dạy bằng cách áp dụng phương pháp HTPVCD sẽ giúp các cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, HTPVCD còn giúp các cơ sở đào tạo xây dựng mạng lưới quan hệ với các tổ chức cộng đồng, đóng góp cho quá trình thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo đặt ra. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo còn có cơ hội phát triển sâu hơn, rộng hơn lĩnh vực nghiên cứu khi tiếp cận phương pháp HTPVCD.

#### **- Đối với cộng đồng**

Cộng đồng chính là đối tượng thụ hưởng trực tiếp những thành quả mà SV đạt được. Hay về góc độ nhân lực, SV tham gia HTPVCD sẽ trở thành nguồn nhân lực trẻ, tích cực, chủ động học hỏi và sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cộng đồng. Các thư viện, trung tâm thông tin, các tổ chức, cộng đồng nhận được sự nhiệt tình và sáng tạo của SV tham gia. Ngoài ra, với vai trò tương tác, cộng đồng cũng trở thành nơi giúp SV kiểm chứng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và đề xuất những hướng đi mới cho chính cộng đồng mà SV phục vụ thông qua những cách tiếp cận mới. Hơn nữa, cộng đồng có xu hướng trở thành đối tác liên kết với các cơ sở đào tạo trong nhiều hoạt động khác nhau.

### **2.3. Mô hình áp dụng**

Áp dụng một số mô hình trong từng học phần cụ thể giúp nâng cao chất lượng HTPVCD là điều cần thiết, đòi hỏi mỗi GV cần cân nhắc và xem xét cho phù hợp.

#### **Mô hình phân bố**

SV đến cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm phục vụ nhiều lần hoặc cả học kỳ. SV sẽ làm việc và giao tiếp với người dùng tin với vai trò của một người làm thư viện chính thức. Với mô hình này, SV có thể phát hiện nhiều vấn đề, phát triển kỹ năng chuyên môn, thực hành được các nhiệm vụ chuyên môn và rèn luyện một số kỹ năng mềm. Tuy nhiên, SV cũng phải đối mặt với một số rủi ro trong an toàn và di chuyển do phải có mặt thường xuyên tại các thư viện, trung tâm thông tin hay địa điểm phục vụ. Ngoài ra, SV cần phải sắp xếp, bố trí thời gian hợp lý.

#### **- Mô hình dự án**

Trong mô hình dự án, GV còn có thể yêu cầu SV cùng kết hợp tham gia thực hiện dự án, đề tài nghiên cứu khoa học do GV chủ trì để vận dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng với vai trò là thành viên hoặc cộng tác viên cho đề tài, dự án. Các công trình thanh niên như xây dựng tủ sách dành cho các đối tượng khác nhau: trẻ em, người già, công nhân, bệnh nhân... cũng có thể được chọn là các dự án nhỏ phục vụ cho từng nhóm đối tượng khác nhau.

Khó khăn lớn nhất đối với dự án này là GV cần giới hạn mục tiêu chương trình đào tạo cho phù hợp với phạm vi dự án. Ngoài ra, mô hình dự án chỉ có thể thực hiện hiệu quả hơn với nhóm SV có số lượng ít.

#### **- Mô hình sản phẩm**

Thuận lợi trong việc áp dụng mô hình này chính là SV có thể thực hiện ngay tại lớp học, xây dựng kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. Đặc biệt, mang cộng đồng vào lớp học cũng là một điểm nổi bật trong mô hình này. Để làm được điều này, SV có thể chủ động liên hệ nhóm cộng đồng tham dự vào lớp học và đánh giá sản phẩm, dịch vụ mà SV cung cấp. Đây cũng chính là khó khăn lớn nhất của quá trình áp

dụng mô hình này bởi vì liên hệ cộng đồng tham dự lớp học đòi hỏi nhiều thời gian.

#### - Mô hình thuyết trình

Mô hình này mang đến cho SV cơ hội thể hiện, trình bày trước cộng đồng bằng những bài thuyết trình mà SV đã thực hiện. Với mô hình thuyết trình, SV sẽ học tập thông qua việc dạy và truyền đạt kiến thức cho cộng đồng tại các khoá học cụ thể trong hoàn cảnh nhất định. Thông qua mô hình này, SV có thể rèn luyện kỹ năng truyền đạt, thuyết trình và tích lũy kinh nghiệm giảng dạy. Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình thuyết trình thông thường chỉ có thể thực hiện được một vài lần trong một học kỳ. Ngoài ra, việc tìm kiếm cộng đồng phù hợp với mục tiêu của môn học cũng là thách thức lớn đối với mô hình thuyết trình này.

#### - Mô hình sự kiện

Trong một số học phần, GV có thể yêu cầu SV tổ chức sự kiện nhằm thoả mãn nhu cầu nhận thức của cộng đồng. Thông qua các sự kiện, SV có thể tạo sự chú ý và nhận thức đến một vấn đề nào đó của cộng đồng. Thông qua hoạt động tổ chức các sự kiện, SV có thể khẳng định được năng lực cá nhân trong quá trình xây dựng kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện. Ngoài ra, các sự kiện được tổ chức đã thu hút và có tác động lớn tới cộng đồng.

Bên cạnh những ưu điểm, quy trình áp dụng và một số mô hình có thể được áp dụng, phương pháp này còn có một số hạn chế nhất định và đòi hỏi cơ sở đào tạo, đặc biệt là GV cần có sự cân nhắc, cách nhìn khái quát và gắn kết từng môn học trong chương trình đào tạo. Từ đó, việc áp dụng HTPVCD mới thực sự hiệu quả và phát huy được những lợi thế của mình so với các phương pháp giảng dạy và học tập khác.

### 3. KẾT LUẬN

Tóm lại, với mỗi môn học khác nhau của từng GV có phương pháp giảng dạy khác nhau, việc áp dụng phương pháp HTPVCD dựa trên tính chất tự nguyện với sự cam kết của từng GV trong môn học mà họ đảm trách. Đây có thể được xem là phương pháp có nhiều ưu điểm nổi bật, đáng được vận dụng và triển khai cho nhiều môn học trong chương trình đào tạo đại học nói chung. Vì vậy, trước khi tiến hành áp dụng phương pháp HTPVCD trong giảng dạy, GV cần nhận diện rõ rệt những ưu điểm mà phương pháp này mang lại. Từ đó, GV có thể xây dựng kế hoạch, áp dụng các bước thực hiện và các mô hình phù hợp, nhằm đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập đạt hiệu quả thực sự, để hướng đến mục tiêu học tập và phục vụ cộng đồng được đưa vào trong chương trình đào tạo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Huyền, Phan Nguyễn Ái Nhi, Lê Mỹ Loan Phụng (2013), *Học tập phục vụ cộng đồng trong môi trường giáo dục*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh, Tr. 1-8.
- [2]. Atelia Melaville, Amy C. Berg, Martin J. Blank (2006). *Community - based learning : engaging students for success and citizenship // The Coalition for Community Schools.*
- [3]. Barbara A. Holland. *A comprehensive model for assessing service - learning and community - university partnerships.* - John Wiley & Sons, Inc., 2001. - P. 51- 60.
- [4]. Boyer, E (1990). *Scholarship Reconsidered: Priorities of the Professoriate.* Princeton, NJ.: The Carnegie Foundation for the Advancement of Teaching.
- [5]. Bringle, R. G., Hatcher, J. A (1996). *Implementing service learning in higher education.* Journal of Higher Education.
- [6]. Bringle, R. G., Hatcher, J. A (1999). *Reflection in service learning: making meaning of experience // Educational Horizon.* P. 179-185.

- 
- [7]. Bringle, R. G., Hatcher, J. A (2000). *Assessment: meaningful measurement of theory based service-learning outcomes* // Michigan Journal of Community Service Learning. P. 68-75.
- [8]. Dick Cone, Susan Harris (1996). *Service - learning practice: developing a theoretical framework* // Michigan Journal of Community Service Learning. P. 43-60.
- [9]. Enos, Sandra L., and Marie L (1996). *Troppe. Service-Learning in the Curriculum*// Barbara Jacoby and Associates. *Service-Learning in Higher Education: Concepts and Practices*. - San Francisco, CA: Jossey-Bass, P. 156-181.
- [10]. Eyler, Janet (2002). *Reflection: Linking Service and Learning - Linking Students and Communities* // Journal of Social Issues.